TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 3412/2022/KDTM-ST
Ngày: 08-9-2022
V/v tranh chấp hợp đồng thi công.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đăng Vạn

2. Ông Phạm Văn Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Hải Hoài là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Phong - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 20/2022/TLST-KDTM ngày 21 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4579/2022/QĐXXST-KDTM ngày 08 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 5499/2022/QĐST-KDTM ngày 08 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển N

Địa chỉ: Phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành V

Địa chỉ: phường Tân Thành, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. (Xin xét xử vắng mặt).

Văn bản ủy quyền số 29/GUQ - CT ngày 30/11/2021

2. Bị đơn: Công ty TNHH Đo đạc Xây dựng M

Địa chỉ: phường Trường Thọ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn Trí Ng, sinh năm 1988.

Địa chỉ: xã Long Hưng A, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 25/11/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Thành V là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 30/9/2019, Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển N (sau đây gọi tắt là Công ty N) và Công ty TNHH Đo đạc Xây dựng M (sau đây gọi tắt là Công ty M) cùng ký kết Hợp đồng kinh tế HĐTM/MN-TN-2019 về việc thi công gói thầu ép cọc D500, pmax = 400 tấn cho công trình Dự án xây dựng Nhà máy sơn Jotun với giá trị hợp đồng là: 660.000.000 đồng.

Công ty N đã thực hiện hoàn tất việc thi công theo Hợp đồng nêu trên. Ngày 04/3/2020 hai bên đã ký Biên bản quyết toán khối lượng và xác định giá trị thực tế phải thanh toán, theo đó số liệu được xác định cụ thể như sau:

Tổng giá trị quyết toán (số tiền phải thanh toán) hợp đồng (gồm VAT): 636.240.000 đồng. Số tiền Công ty N đã tạm ứng là 250.000.000 đồng. Số tiền Công ty M còn phải thanh toán : 386.240.000 đồng.

Theo quy định tại Khoản 2.1 Điều 2 của Hợp đồng thì Công ty M có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty N100% giá trị khối lượng công trình (số tiền) đã thực hiện còn lại trong vòng 07 ngày kể từ ngày Công ty N cung cấp đầy đủ hồ sơ thanh toán và hóa đơn VAT.

Ngày 10/3/2020, Công ty Nđã cung cấp đầy đủ hồ sơ thanh toán và hoá đơn VAT cho Công ty M, đáp ứng đủ điều kiện để thanh toán theo thỏa thuận. Tuy nhiên Công ty M đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo đúng thời hạn đã giao kết.

Hành vi không thanh toán tiền giá trị công trình đã thi công của Công ty M đã vi phạm Hợp đồng, gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty N.

Do vậy, Công ty N khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân thành phố Thủ Đức xem xét giải quyết 02 yêu cầu:

1. Buộc Công ty M thanh toán cho Công ty N khoản nợ còn phải trả theo số quyết toán của hợp đồng thi công ép cọc nêu trên là: 386.240.000 đồng *(Ba trăm tám mươi sáu triệu, hai trăm bốn mươi ngàn đồng)*.

2. Buộc Công ty M phải thanh toán khoản tiền lãi phát sinh do chậm trả theo thỏa thuận tại Điều 4 của hợp đồng từ ngày 18 tháng 3 năm 2020 (ngày công ty Ncung cấp đủ bộ hồ sơ thanh toán và hóa đơn VAT) tạm tính đến ngày 13/6/2022.

Tạm tính từ ngày 18/3/2020 đến 13/6/2022 số tiền lãi là: 386.240.000 đ x 1%tháng (12%/năm) x 805 ngày = 103.641.067 đồng.

Tổng tiền gốc và lãi 489.881.067 đồng. Tiền lãi tiếp tục được tính cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn: Công ty TNHH Đo đạc Xây dựng M đã được Tòa án tống đạt, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không cử người tham gia tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, Tòa án đã chấp hành đúng các quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty Nkhởi kiện yêu cầu Công ty M phải thanh toán số tiền thi công còn thiếu là 386.240.000 đồng theo Hợp đồng kinh tế số: HĐTM/MN – TN – 2019 ký ngày 30/9/2019, bị đơn – Công ty M có trụ sở tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

* Về thủ tục tố tụng: Công ty M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Công ty M.

* Về nội dung vụ án:

[1] Căn cứ Hợp đồng kinh tế số HĐTM/MN – TN – 2019 ký ngày 20/9/2019 xác định giữa Công ty M và Công ty Nco ký kết hợp đồng thi công. Theo đó, Công ty Nthực hiện công việc ép cọc cho Công ty M với tổng giá trị là 660.000.000 đồng. Căn cứ Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 02/12/2019 và hóa đơn ngày 10/3/2020 thì giá trị quyết toán thực tế là 636.240.000 đồng. Căn cứ Bảng quyết toán khối lượng thanh toán có xác nhận của Công ty M số tiền còn lại mà Công ty M chưa thanh toán cho Công ty Nlà 386.240.000 đồng. Do đó, Công ty N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty M phải trả số tiền thi công còn lại 386.240.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2] Về lãi suất:

[2.1]. Căn cứ thỏa thuận của các bên tại Điều 2 của Hợp đồng "*Sau khi hoàn thành công việc ép cọc bên A thanh toán cho bên B 100% giá trị thực hiện trong vòng 7 ngày kể từ ngày bên B cung cấp đầy đủ hồ sơ thanh toán và hóa đơn VAT cho bên A*." Ngày 18 tháng 3 năm 2020 (ngày công ty Ncung cấp đủ bộ hồ sơ thanh toán và hóa đơn VAT). Do đó, công ty Nyêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 18/3/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 08/9/2022) là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Căn cứ Điều 306 của Luật Thương mại quy định: "*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*"; Án lệ số 09/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016; Thông báo công bố về lãi suất cho vay Việt Nam Đồng áp dụng đối với pháp nhân vay sản xuất kinh doanh thông thường của khoản vay trung – dài hạn đang được Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam áp dụng thì đủ cơ sở để xác định, lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử (ngày 08/9/2022) là: (10.8%/năm + 10.5%/năm + 9,9%/năm) : 3 x 150% = 15,6%/năm.

[2.3]. Theo thỏa thuận tại Điều 4 của Hợp đồng về phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại thì "*Nếu bên A chậm thanh toán cho bên B so với điều khoản thanh toán đã thống nhất trong Điều 2 của Hợp đồng thì phải bồi thường cho bên B theo lãi suất nợ quá hạn trên phần chậm thanh toán, áp dụng cho ngày đầu tiên chậm thanh toán do Ngân hàng Thương mại mà bên B mở tài khoản công bố…"*. Tại Hợp đồng kinh tế số HĐTM/MN – TN – 2019 ký ngày 20/9/2019 thể hiện Ngân hàng bên B mở tài khoản là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam. Theo kết quả trả lời xác minh tại Công văn số 403 ngày 27/6/2022 thì Lãi suất nợ quá hạn của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam là 16,2%. Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi chậm trả theo mức lãi suất 1%/tháng (12%/ năm) đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, có lợi cho phía bị đơn và phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở để chấp nhận.

Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty M có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Nsố tiền lãi tính từ ngày 18/3/2018 đến ngày 08/9/2022 là: 29 tháng 21 ngày x 1%/tháng x 386.240.000 đồng = 114.713.280 đồng. Tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi là 500.953.280 đồng.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 6 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí

và lệ phí Tòa án thì Công ty M phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 24.038.131 đồng .

Hoàn lại cho Công ty N số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 85, Điều 87 và Điều 306 của Luật Thương mại;

Căn cứ vào Án lệ số 09/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016;

Căn cứ vào Điều 6 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển N đối với bị đơn - Công ty TNHH Đo đạc Xây dựng M.

Công ty TNHH Đo đạc Xây dựng M có trách nhiệm thanh toán một lần, ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật cho Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển N tổng số tiền thi công còn nợ tính từ ngày 18/3/2020 đến ngày 08/9/2022 là 500.953.280 (Năm trăm triệu chín trăm năm mươi ba ngàn hai trăm tám mươi) đồng, trong đó: nợ gốc 386.240.000 (Ba trăm tám mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi ngàn) đồng và 114.713.280 (Một trăm mười bốn triệu bảy trăm mười ba ngàn hai trăm tám mươi) đồng.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí:

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 24.038.131 (Hai mươi bốn triệu không trăm ba mươi tám ngàn một trăm ba mươi mốt) đồng, Công ty TNHH Đo đạc Xây dựng M chịu. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn lại cho Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển N số tiền 11.384.800 (Mười một triệu ba trăm tám mươi bốn ngàn tám trăm) đồng, tạm

ứng án phí mà Công ty N đã nộp theo Biên lai thu số 0025426 ngày 17/01/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Tp. Thủ Đức;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Nhung